

Số: 27/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 09 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 177/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N1.

Địa chỉ: số A, đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội. (nay là số A, đường T, phường H, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Nhật T – Chức vụ: Trưởng phòng G – Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh Đ1 (theo giấy ủy quyền số 33/UQ-VCB-ĐTH ngày 14/4/2025)

Địa chỉ: Số B, đường H, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Cao Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số D, Nguyễn Sinh S, Khóm E, Phường A, thành phố S, Đồng Tháp
(Nay là Số D, Nguyễn Sinh S, Khóm C, Phường S, Đồng Tháp)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Cao Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số D, Nguyễn Sinh S, Khóm E, Phường A, thành phố S, Đồng Tháp
(Nay là Số D, Nguyễn Sinh S, Khóm C, Phường S, Đồng Tháp)

Người đại diện theo ủy quyền của anh T1, chị T2 là anh Mai Ngọc Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: 2, khóm H, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1965.

Địa chỉ: B, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Sinh S, khóm C, phường S, tỉnh Đồng Tháp

Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: số B, ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Cao Nguyễn Thanh T1 đồng ý trả cho trả cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền vốn gốc vay là 30.725.000.000đ và tiền lãi, phí tạm tính đến ngày 08/4/2025 là 931.989.867đ (lãi: 710.236.302đ, lãi quá hạn và phí là 221.753.565đ, tổng cộng vốn, lãi là 31.656.989.867đ. *(Ba mươi một tỷ, sáu trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi chín ngàn, tám trăm sáu mươi bảy đồng).*

Anh T3 đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 08/4/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số 76/2021/NHNT.ĐT/SĐ ngày 10/6/2021 và hợp đồng cho vay số 12/2022/NHNT.ĐT/SĐ ngày 16/3/2022, 783/2023/NHNT.ĐT/SĐ ngày 29/12/2023. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà anh T3 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất mà các bên đã ký kết.

Trường hợp anh Cao Nguyễn Thanh T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP N1 được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 269/2021/VCB – ĐT/SĐ ngày 11/06/2021 và hợp đồng thế chấp số 79/2022/VCB – ĐT/SĐ ngày 16/3/2022. Anh T3, chị T2 đồng ý giao tài sản thế chấp để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

Chị Phạm Thị Tuyết M và anh Huỳnh Văn N không có ý kiến hay yêu cầu, tranh chấp gì đối với việc thuê đất và ở nhờ trên đất trong vụ kiện này. Trường hợp, anh T3 không trả được nợ cho Ngân hàng thì chị M, anh N đồng ý giao các thửa đất trên cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi, kê biên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự thỏa thuận:

Anh Cao Nguyễn Thanh T1 tự nguyện nộp 69.828.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền tạm ứng án phí 69.828.000đ đã nộp theo biên lai số 0004708 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000đ, Ngân hàng TMCP N1 tự nguyện nộp (đã nộp đủ và chi xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Thanh T4